TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 20/6/2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Dương Thị Tú Phương

2. Ông Danh Hưởng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Ngoãn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 86/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 108/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Giang Văn M, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

(Anh Giang Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Ú vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Giang Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh M và chị Nguyễn Thị Ú kết hôn với nhau vào năm 2018, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật. Đã được UBND xã V cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/10/2020. Trong thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng giữa anh M và chị Ú xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay, anh M nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Ú

- *Về con chung*: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Ú đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Ú vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước long phát biểu ý kiến***:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Giang Văn M và chị Nguyễn Thị Ú có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa anh M và chị Ú là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, cho anh M ly hôn với chị Ú.

+ Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

+ Về án phí: Anh Giang Văn M phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Giang Văn M có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với chị Nguyễn Thị Ú, chị Ú có địa chỉ cư trú tại huyện P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Chị Nguyễn Thị Ú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh M, chị Ú là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Giang Văn M và chị Nguyễn Thị Ú sống chung từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh M, chị Ú là hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung anh M, chị Ú xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau nhưng anh M, chị Ú đã sống ly thân, không ai quan tâm vun vén hạnh phúc gia đình. Từ khi sống ly thân đến nay, hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa anh Giang Văn M và chị Nguyễn Thị Út l vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M, cho anh M ly hôn với chị Ú.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Giang Văn M phải chịu 300.000 đồng, anh M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giang Văn M, cho anh Giang Văn M ly hôn với chị Nguyễn Thị Ú

- *Về con chung:* Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về án phí*: Anh Giang Văn M chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), anh M đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0006694 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Thanh;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Đinh Công Luận **Dương Thị Tú Phương** **Triệu Thanh Liêm**